**GIỚI THIỆU NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 198/2025/QH15 CỦA QUỐC HỘI VỀ MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC BIỆT PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN**

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

**1. Về cơ sở chính trị, pháp lý**

- Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII (năm 2021) đã khẳng định và nhấn mạnh “Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo thuận lợi phát triển mạnh kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế, trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế”.

- Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10/10/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân trong thời kỳ mới đã tiếp tục khẳng định đội ngũ doanh nhân là một trong những lực lượng nòng cốt góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế; xây dựng và phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ, bảo đảm quốc phòng, an ninh; đề ra nhiệm vụ “Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, an toàn, bình đẳng cho doanh nhân, doanh nghiệp phát triển và cống hiến”.

- Nghị quyết số 68- NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 68-NQ/TW) đã xác định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia, là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn, bền vững, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia; cùng với kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể là nòng cốt để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả, đưa đất nước thoát khỏi nguy cơ tụt hậu, vươn lên phát triển thịnh vượng.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW cũng đã xác định rõ “phát triển kinh tế tư nhân nhanh, bền vững, hiệu quả, chất lượng cao vừa là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, vừa mang tính chiến lược lâu dài; cần được cụ thể hoá trong các chiến lược, chính sách phát triển của đất nước nhằm phát huy mọi tiềm năng, thế mạnh, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, kích hoạt, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, nhất là nguồn lực trong Nhân dân cho phát triển kinh tế - xã hội, củng cố và tăng cường quốc phòng, an ninh, tăng cường đối ngoạivà hội nhập quốc tế”.

Để cụ thể hoá chủ trương, định hướng của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, Nghị quyết số 68-NQ/TW đã giao Đảng ủy Chính phủ chỉ đạo xây dựng, trình Quốc hội ban hành cơ chế, chính sách đặc biệt về phát triển kinh tế tư nhân ngay trong Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV (tháng 5/2025); phối hợp với Đảng ủy Quốc hội kịp thời thể chế hoá các chủ trương, chính sách nêu tại Nghị quyết số 68-NQ/TW.

**2. Về cơ sở thực tiễn**

Thời gian qua, thể chế, pháp luật về doanh nghiệp ngày càng hoàn thiện, tạo khung pháp lý tương đối đầy đủ, toàn diện cho kinh tế tư nhân phát triển[[1]](#footnote-1). Công tác cải cách hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định, điều kiện kinh doanh… liên tục được đẩy mạnh, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Kinh tế tư nhân đã từng bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, ngày càng khẳng định trở thành một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế. Kinh tế tư nhân[[2]](#footnote-2) đã trở thành một trong những trụ cột quan trọng hàng đầu của nền kinh tế và ngày càng thể hiện là động lực quan trọng nhất để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế quốc gia.

Bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế tư nhân vẫn đối mặt với nhiều rào cản, kìm hãm sự phát triển, chưa bứt phá về quy mô và năng lực cạnh tranh, chưa đáp ứng được yêu cầu là lực lượng nòng cốt của kinh tế đất nước. Vai trò của kinh tế tư nhân đối với phát triển đất nước chưa được phát huy đầy đủ; hệ thống pháp luật còn nhiều bất cập, chồng chéo, môi trường kinh doanh nhiều trở ngại, thủ tục hành chính phức tạp, tốn nhiều thời gian, chi phí và tiềm ẩn rủi ro. Việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế tư nhân ở một số nơi còn hạn chế. Kinh tế tư nhân còn gặp nhiều rào cản trong tiếp cận nguồn lực, đặc biệt là vốn, công nghệ, đất đai, tài nguyên; khó tiếp cận các chương trình, kế hoạch, dự án mua sắm công; một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ chưa thực sự hiệu quả, quy mô hỗ trợ nhỏ, quy trình, thủ tục phức tạp, khó tiếp cận chính sách; chưa có chính sách tập trung hỗ trợ cho các doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong hình thành, phát triển thành các doanh nghiệp lớn, các tập đoàn kinh tế tư nhân vươn tầm khu vực và quốc tế. Doanh nghiệp tư nhân chưa được tin tưởng giao thực hiện các dự án lớn, trọng điểm quốc gia.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT** **SỐ 198/2025/QH15**

**1. Mục đích**

Thể chế hóa kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng nêu tại Nghị quyết số 68-NQ/TW nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận các nguồn lực; thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, đào tạo nguồn nhân lực, mở rộng sự tham gia của các doanh nghiệp tư nhân vào các dự án quan trọng quốc gia, hỗ trợ doanh nghiệp tiên phong, vươn tầm quốc tế nhằm tạo “cú hích, đòn bẩy, điểm tựa” tạo động lực mới, giải phóng nguồn lực, sức sản xuất của kinh tế tư nhân; qua đó, hiện thực hóa các mục tiêu nêu tại Nghị quyết số 68-NQ/TW.

**2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết số 198/2025/QH15**

*Thứ nhất,* bảo đảm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, quan điểm, cơ chế, chính sách tại Nghị quyết số 68-NQ/TW có tính chất vượt trội, tháo gỡ các điểm nghẽn trong phát triển kinh tế tư nhân; có thể triển khai, áp dụng, phát huy hiệu quả ngay trong thực tiễn.

*Thứ hai,* quy định một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội khác với quy định của luật hiện hành hoặc chưa được quy định cụ thể.

*Thứ ba,* bám sát theo tinh thần Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị, phân định rõ thẩm quyền lập pháp và thẩm quyền lập quy theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

*Thứ tư,* quy định cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân để huy động đa dạng hóa các nguồn lực và giải phóng nguồn lực xã hội để tập trung vào phát triển nhanh kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, đáp ứng được yêu cầu tăng trưởng kinh tế hai con số trong giai đoạn tiếp theo.

*Thứ năm,* chính sách pháp luật ban hành bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất của hệ thống pháp luật; tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; tính khả thi và phù hợp với nguồn lực của Nhà nước.

**III. PHẠM VI, BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT** **SỐ 198/2025/QH15**

1. **Phạm vi và đối tượng điều chỉnh**

a) Về phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết số 198/2025/QH15 quy định một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

b) Về đối tượng áp dụng: quy định các cơ chế, chính sách được áp dụng chung đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

1. **Bố cục**

 Nghị quyết số 198/2025/QH15 gồm 07 Chương và 17 Điều.

Chương I. Quy định chung (gồm 03 điều, từ Điều 1 đến Điều 3).

Chương II. Cải thiện môi trường kinh doanh (gồm 3 điều, từ Điều 4 đến Điều 6)

Chương III. Hỗ trợ tiếp cận tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh (gồm 02 điều, Điều 7, Điều 8).

Chương IV. Hỗ trợ tài chính, tín dụng và mua sắm công (gồm 03 điều, từ Điều 9 đến Điều 11)

Chương V. Hỗ trợ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nhân lực (gồm 2 điều, Điều 12, Điều 13)

Chương VI. Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và lớn, doanh nghiệp tiên phong (gồm 2 điều, Điều 14, Điều 15)

Chương VII. Điều khoản thi hành (gồm 02 điều, Điều 16, Điều 17).

1. **Nội dung cơ bản của Nghị quyết số 198/2025/QH15:**

*3.1. Về Cải thiện môi trường kinh doanh:*

Nghị quyết số 198/2025/QH15 quy định một số nguyên tắc trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, cấp phép, chứng nhận, xử lý các vi phạm và giải quyết các vụ việc trong hoạt động kinh doanh, giải quyết quyết phá sản doanh nghiệp theo thủ tục rút gọn. Cụ thể:

(1) Nguyên tắc hoạt động thanh tra, kiểm tra, cấp phép, chứng nhận, tiếp cận nguồn lực, đảm bảo cạnh tranh bình đẳng đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (Điều 4):

- Số lần thanh tra đối với mỗi doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (nếu có) không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng.

- Số lần kiểm tra tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (nếu có) bao gồm cả kiểm tra liên ngành, đối với mỗi doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng.

- Trường hợp đối với cùng một nội dung thì cơ quan quản lý nhà nước không được thanh tra, kiểm tra trong cùng một năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng.

- Kế hoạch, kết luận thanh tra và kiểm tra phải thực hiện công khai theo quy định của pháp luật.

- Xử lý nghiêm các hành vi lạm dụng thanh tra, kiểm tra để nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

- Ưu tiên thanh tra, kiểm tra từ xa dựa trên các dữ liệu điện tử, giảm thanh tra, kiểm tra trực tiếp.

- Miễn kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đối với các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tuân thủ tốt quy định pháp luật.

- Thực hiện chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả kiểm tra, giám sát. Chuyển việc quản lý điều kiện kinh doanh từ cấp phép, chứng nhận sang thực hiện công bố điều kiện kinh doanh và hậu kiểm, trừ một số ít lĩnh vực bắt buộc phải thực hiện thủ tục cấp phép theo quy định và thông lệ quốc tế.

- Không phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực vốn, đất đai, tài nguyên, tài sản, công nghệ, nhân lực, dữ liệu và các nguồn lực tài nguyên khác.

- Xử lý nghiêm các hành vi làm hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền và cạnh tranh không lành mạnh.

- Nghiêm cấm các cơ quan truyền thông, báo chí, cá nhân có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, đưa thông tin sai lệch, không chính xác, ảnh hưởng đến doanh nghiệp, doanh nhân.

(2) Nguyên tắc xử lý các vi phạm và giải quyết các vụ việc trong hoạt động kinh doanh (Điều 5):

- Phân định rõ giữa trách nhiệm của pháp nhân với trách nhiệm của cá nhân; giữa trách nhiệm hình sự với trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự; giữa trách nhiệm hành chính với trách nhiệm dân sự.

- Đối với vi phạm, vụ việc về dân sự, kinh tế, ưu tiên áp dụng các biện pháp về dân sự, kinh tế, hành chính trước; các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được chủ động khắc phục vi phạm, thiệt hại. Trường hợp thực tiễn áp dụng pháp luật có thể dẫn đến xử lý hình sự hoặc không xử lý hình sự thì không áp dụng xử lý hình sự.

- Đối với vi phạm đến mức xử lý hình sự thì ưu tiên các biện pháp khắc phục hậu quả kinh tế chủ động, kịp thời và toàn diện trước và là căn cứ quan trọng để cơ quan tiến hành tố tụng xem xét khi quyết định khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và các biện pháp xử lý tiếp theo.

- Không được áp dụng hồi tố các quy định pháp luật để xử lý bất lợi cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

- Đối với các vụ việc mà thông tin, tài liệu, chứng cứ chưa đủ rõ ràng để kết luận có hành vi vi phạm pháp luật phải sớm có kết luận theo quy định của pháp luật tố tụng, thực hiện công bố công khai kết luận này.

- Bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các vụ án.

- Bảo đảm việc niêm phong, kê biên tạm giữ, phong tỏa tài sản liên quan đến vụ việc, vụ án phải theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, phạm vi, không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; bảo đảm giá trị niêm phong, kê biên, tạm giữ, phong tỏa tương ứng với dự kiến hậu quả thiệt hại trong vụ án. Sử dụng hợp lý các biện pháp cần thiết để bảo đảm giá trị tài sản liên quan đến vụ án, giảm thiểu tác động của điều tra đến hoạt động sản xuất kinh doanh, sau khi có ý kiến thống nhất của các cơ quan tố tụng và không ảnh hưởng đến hoạt động điều tra.

- Phân biệt rõ tài sản hình thành hợp pháp với tài sản, thu nhập có được từ hành vi vi phạm pháp luật, tài sản khác liên quan đến vụ án; giữa tài sản, quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp với tài sản, quyền, nghĩa vụ của cá nhân người quản lý trong doanh nghiệp trong xử lý các vi phạm và giải quyết các vụ việc.

(3) Giải quyết phá sản doanh nghiệp theo thủ tục rút gọn (Điều 6)

Thể chế hóa nhiệm vụ tại Nghị quyết số 68-NQ/TW, nhằm khắc phục tình trạng vướng mắc trong giải quyết thủ tục phá sản, gây khó khăn cho việc rút lui khỏi thị trường của doanh nghiệp, Nghị quyết số 198/2025/QH15 quy định mở rộng trường hợp, căn cứ để Tòa án xem xét, quyết định việc giải quyết phá sản theo thủ tục rút gọn đối với các doanh nghiệp. Đồng thời, việc giải quyết theo thủ tục rút gọn bảo đảm rút ngắn tối thiểu 30% về thời gian, đơn giản hóa trình tự, thủ tục giải quyết so với thủ tục thông thường

*3.2. Về hỗ trợ tiếp cận tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh:*

(1) Hỗ trợ tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ (Điều 7):

Tính đến nay cả nước đã có gần 450 khu công nghiệp với tổng diện tích đất công nghiệp đạt khoảng 93 nghìn ha, song các doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn ít có cơ hội tiếp cận, giá thuê đất còn cao với khả năng chi trả của doanh nghiệp. Nhằm tháo gỡ vấn đề này; đồng thời thực hiện chủ trương nêu tại Nghị quyết số 68-NQ/TW, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương theo phương châm địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm, Chương này quy định các chính sách để hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp công nghệ cao tiếp cận đất đai và mặt bằng sản xuất kinh doanh, như sau:

- Các địa phương được sử dụng ngân sách địa phương từ nhiệm vụ chi đầu tư phát triển để hỗ trợ đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ. Các hạng mục, công trình được hỗ trợ đầu tư bao gồm: bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng; công trình kết cấu hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải và thông tin liên lạc.

- Chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ được hỗ trợ đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này phải dành một phần diện tích đất đã đầu tư hạ tầng để cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại.

- Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức hỗ trợ đầu tư và diện tích đất đã đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ dành cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại.

 - Đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp thành lập mới sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế, xác định diện tích đất đối với từng khu công nghiệp, cụm công nghiệp đảm bảo bình quân tối thiểu 20 ha/khu, cụm công nghiệp hoặc 5% tổng diện tích đất đã đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng để dành cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại.

- Trường hợp các khu công nghiệp, cụm công nghiệp thành lập mới mà không nhận hỗ trợ đầu tư của Nhà nước để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, sau thời hạn 02 năm kể từ ngày khu công nghiệp, cụm công nghiệp hoàn thành việc đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng và chưa có doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có nhu cầu thuê, thì chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp được quyền cho các doanh nghiệp khác thuê.

- Doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ giảm tối thiểu 30% tiền thuê lại đất trong vòng 05 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất với chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ. Khoản hỗ trợ tiền thuê đất này được Nhà nước hoàn trả cho chủ đầu tư theo quy định của Chính phủ.

(2) Hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công (Điều 8)

Để khai thác hiệu quả các tài sản công là trụ sở, công trình chưa sử dụng, không sử dụng hoặc dôi dư, đặc biệt trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại bộ máy chính quyền hai cấp, Nghị quyết số 198/2025/QH15 quy định: Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo thuê nhà, đất là tài sản công chưa sử dụng hoặc không sử dụng tại địa phương và giao Chính phủ quy định nguyên tắc, đối tượng hỗ trợ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về danh mục tài sản công cho thuê, tiêu chí, mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ, trình tự, thủ tục cho thuê đối với từng loại tài sản và thực hiện công bố công khai trên trang thông tin điện tử của tỉnh.

*3.3. Về hỗ trợ tài chính, tín dụng và mua sắm công:*

(1) Hỗ trợ tài chính, tín dụng (Điều 9)

- Doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được hỗ trợ lãi suất 2%/năm khi vay vốn để thực hiện các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG);

- Mở rộng đối tượng, bổ sung thêm chức năng cho Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

(2) Hỗ trợ thuế (Điều 10)

Để thúc đẩy doanh nghiệp tư nhân phát triển và hỗ trợ thêm đối với các đối tượng là doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, công ty quản lý quỹ đầu tư doanh nghiệp sáng tạo, tổ chức trung hạn hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo cũng như khuyến khích các cá nhân, tổ chức làm việc trong lĩnh vực khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong Nghị quyết số 198/2025/QH15 quy định:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, công ty quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Việc xác định thời gian miễn, giảm thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp cho các cá nhân, tổ chức đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của các chuyên gia, nhà khoa học nhận được từ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm nghiên cứu phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong 03 năm đầu thành lập kể từ thời điểm được cấp Giấy đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

- Chi phí đào tạo và đào tạo lại nhân lực của doanh nghiệp lớn cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không áp dụng phương pháp khoán thuế từ ngày 01 tháng 7 năm 2026. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo pháp luật về quản lý thuế.

(3) Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu (Điều 11)

Nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt doanh nghiệp do thanh niên, phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người yếu thế, người khuyết tật làm chủ, doanh nghiệp ở miền núi, biên giới, hải đảo mở rộng thị trường thông qua việc tham gia vào các gói thầu mua sắm công, Nghị quyết số 198/2025/QH15 quy định: Gói thầu sử dụng ngân sách nhà nước có giá không quá 20 tỷ đồng được dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó ưu tiên doanh nghiệp do thanh niên, phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người yếu thế, người khuyết tật làm chủ, doanh nghiệp ở miền núi, biên giới, hải đảo.

Trường hợp đã tổ chức đấu thầu, nếu không có doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng được yêu cầu thì được phép tổ chức đầu thầu lại và không phải áp dụng quy định trên.

*3.4. Về hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nhân lực:*

(1) Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Điều 12)

Hiện nay, tỷ lệ đầu tư của các doanh nghiệp tư nhân Việt Nam vào nghiên cứu và phát triển tương đối thấp, khoảng 16%, thấp hơn đáng kể so với một số nước trong khu vực Châu Á. Để thúc đẩy doanh nghiệp tư nhân tăng cường đầu tư vào hoạt động R&D, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Nghị quyết số 198/2025/QH15 quy định như sau:

- Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế đối với chi phí cho hoạt động nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp bằng 200% chi phí thực tế của hoạt động này khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp[[3]](#footnote-3) (cao hơn so với quy định hiện hành 100% theo Điều 9 Nghị quyết số 193/2025/QH15 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và mức 150% theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách phát triển thành phố Hồ Chí Minh).

- Doanh nghiệp được trích tối đa 20% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp lập quỹ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (so với quy định Điều 17 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp là tối đa 10%) để tự triển khai hoặc đặt hàng bên ngoài nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo theo cơ chế khoán sản phẩm.

- Nhà nước hỗ trợ kinh phí xây dựng hoặc thuê, mua các nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung để cung cấp miễn phí cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh.

(2) Hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp và chất lượng nguồn nhân lực (Điều 13)

Nhằm tháo gỡ điểm nghẽn về năng lực quản trị và chất lượng nguồn nhân lực, Nghị quyết số 198/2025/QH15 quy định: (i) hỗ trợ xây dựng, triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng 10.000 giám đốc điều hành đến năm 2030; (ii) Cung cấp miễn phí một số dịch vụ tư vấn pháp lý, đào tạo về quản trị doanh nghiệp, kế toán, thuế, nhân sự, pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

*3.5. Về hỗ trợ hình thành doanh nghiệp vừa và lớn, doanh nghiệp tiên phong*

Để đạt mục tiêu đến năm 2030, cả nước có ít nhất 20 doanh nghiệp lớn tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, Nghị quyết số 198/2025/QH15 quy định 02 chính sách cho nhóm doanh nghiệp này, bao gồm:

(1) Đặt hàng, đấu thầu hạn chế, chỉ định thầu thực hiện dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia (Điều 14)

Hiện nay, cơ chế giao, đặt hàng được áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học công nghệ theo Nghị quyết số 193/2025/QH15 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa có cơ chế đặt hàng dự án đầu tư.

Để đáp ứng được yêu cầu của thực triễn trong tình hình mới, Nghị quyết số 198/2025/QH15 quy định:

- Nhà nước mở rộng sự tham gia của doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân vào các dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia thông qua hình thức đầu tư trực tiếp hoặc đầu tư theo phương thức đối tác công tư hoặc các mô hình hợp tác giữa Nhà nước và tư nhân theo quy định của pháp luật.

- Người có thẩm quyền, chủ đầu tư được lựa chọn áp dụng một trong các hình thức đặt hàng hoặc đấu thầu hạn chế hoặc chỉ định thầu hoặc các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện đối với để thực hiện các lĩnh vực chiến lược, các dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm, quan trọng quốc gia, đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, giao thông xanh, quốc phòng, an ninh, những nhiệm vụ khẩn cấp, cấp bách trên cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, chất lượng, tiến độ, hiệu quả và trách nhiệm giải trình.

(2) Hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp vừa và lớn, tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và toàn cầu (Điều 15)

Hiện nay, đã xuất hiện một số doanh nghiệp tư nhân lớn trong một số ngành, lĩnh vực có khả năng dẫn dắt chuỗi giá trị, thúc đẩy các doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng lớn mạnh. Tuy nhiên, Nhà nước chưa có chính sách hỗ trợ tương xứng với vai trò, tiềm năng của các doanh nghiệp này. Các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội sẽ hỗ trợ các doanh nghiệp này trở thành lực lượng tiên phong, vươn tầm quốc tế. Nghị quyết số 198/2025/QH15 quy định Nhà nước xây dựng và và bố trí ngân sách triển khai chương trình hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp vừa và lớn, tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và toàn cầu thông qua 02 Chương trình sau: (i) Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ; (ii) Chương trình vươn ra thị trường quốc tế (Go Global) để hỗ trợ về thị trường, vốn, công nghệ, thương hiệu, kênh phân phối, logistics, bảo hiểm, tư vấn, pháp lý, giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại, mua bán sáp nhập, kết nối với các tập đoàn đa quốc gia.

*3.6. Về điều khoản thi hành*

- Giao Chính phủ trong năm 2025 hoàn thành việc rà soát, loại bỏ những điều kiện kinh doanh không cần thiết, quy định chồng chéo, không phù hợp, cản trở sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân; thực hiện giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo.

- Chấm dứt việc thu, nộp lệ phí môn bài từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

- Ngoài ra, Nghị quyết số 198/2025/QH15 quy định nguyên tắc áp dụng, khắc phục sự chồng chéo, mâu thuẫn giữa các quy định pháp luật: Trong trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng quy định của Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật khác có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị quyết này thì đối tượng được ưu đãi được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi có lợi nhất.

**IV. VỀ CẮT GIẢM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN:**

**1. Về cải cách thủ tục hành chính:**

Nghị quyết số 198/2025/QH15 không phát sinh thủ tục hành chính, xây dựng trên nguyên tắc đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giảm tác động bất lợi trong công tác quản lý nhà nước, tạo thuận lợi tối đa cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp, như: các quy định về nguyên tắc thanh tra, kiểm tra tại Điều 4 (không được thanh tra, kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh quá 01 lần/năm, trừ trường hợp có bằng chứng, dấu hiệu vi phạm rõ ràng; ưu tiên thanh tra, kiểm tra từ xa dựa trên các dữ liệu điện tử, giảm thanh tra, kiểm tra trực tiếp; miễn kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đối với các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tuân thủ tốt quy định pháp luật); quy định tại Điều 5 về nguyên tắc xử lý các vi phạm và giải quyết các vụ việc trong hoạt động kinh doanh (phân định rõ giữa trách nhiệm của pháp nhân với trách nhiệm của cá nhân; giữa trách nhiệm hình sự với trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự; giữa trách nhiệm hành chính với trách nhiệm dân sự; không được áp dụng hồi tố các quy định pháp luật để xử lý bất lợi cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; đối với các vụ việc mà thông tin, tài liệu, chứng cứ chưa đủ rõ ràng để kết luận có hành vi vi phạm pháp luật phải sớm có kết luận theo quy định của pháp luật tố tụng, thực hiện công bố công khai kết luận này....); quy định về giải quyết phá sản doanh nghiệp theo thủ tục rút gọn (Mở rộng trường hợp, căn cứ để Tòa án xem xét, quyết định việc giải quyết phá sản theo thủ tục rút gọn đối với các doanh nghiệp; bảo đảm rút ngắn tối thiểu 30% về thời gian, đơn gian hóa trình tự, thủ tục giải quyết so với thủ tục thông thường).

**2. Về phân cấp, phân quyền:**

Thực hiện chủ trương nêu tại Nghị quyết số 68-NQ/TW, Nghị quyết số 198/2025/QH15 đã thể hiện rõ tinh thần đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương theo phương châm địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm, bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tiễn của mỗi địa phương. Theo đó, Nghị quyết số 198/2025/QH15 phân cấp, phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của chính quyền địa phương về sử dụng ngân sách nhà nước địa phương trong thực hiện các chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (quy định tại các khoản 3, khoản 4, khoản 7, khoản 8 Điều 7; khoản 3 Điều 8).

Những quy định tại Nghị quyết số 198/2025/QH15 cũng phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, nhất là theo tinh thần Nghị quyết số 04-NQ/TW năm 2021 của Bộ Chính trị về xây dựng chính quyền đô thị và phát triển đô thị bền vững; Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước: “tiếp tục đổi mới và hoàn thiện các quy định của pháp luật để đẩy mạnh phân cấp, phân quyền nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của các cấp, các ngành, khai thác hiệu quả và giải phóng các nguồn lực phát triển của địa phương, đặc biệt là các địa phương tự bảo đảm ngân sách, có vị trí, vai trò động lực trong phát triển kinh tế - xã hội vùng”.

**IV. VỀ HIỆU LỰC VÀ TỔ CHỨC THI HÀNH**

Nghị quyết số 198/2025/QH15 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 5 năm 2025.

Để đảm bảo các quy định của Nghị quyết số 198/2025/QH15 được triển khai hiệu quả, Bộ Tài chính đã khẩn trương triển khai các nhiệm vụ sau:

1. Chủ trì soạn thảo, tham mưu Chính phủ ban hành Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17/5/2025 về Kế hoạch của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15, trong đó có danh mục các văn bản quy phạm pháp luật giao cho các bộ, ngành, địa phương rà soát, xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung.

2. Thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP, Bộ Tài chính đang khẩn trương xây dựng văn bản hướng dẫn chi tiết một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 thuộc thẩm quyền Bộ Tài Chính:

- Xây dựng Nghị định hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 bao gồm chính sách hỗ trợ tiếp cận đất đai, mặt bằng kinh doanh; thuê nhà, đất là tài sản công; ưu đãi thuế; hỗ trợ KHCN, đào tạo nhân lực. Dự kiến Nghị định sẽ trình Chính phủ ban hành trong tháng 8/2025.

- Về nội dung liên quan đến đấu thầu (ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu, đặt hàng, đấu thầu hạn chế, chỉ định thầu thực hiện dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia) tại Điều 11, 14 của Nghị quyết số 198/2025/QH15 được quy định chi tiết tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Đấu thầu năm 2025 và văn bản hướng dẫn.

- Về hỗ trợ lãi suất để thực hiện các dự án xanh, tuần hoàn theo khung tiêu chuẩn ESG sẽ xây dựng Nghị định riêng trình Chính phủ trong năm 2025.

- Về chức năng, nhiệm vụ của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa được giao chủ trì hướng dẫn khoản 2 Điều 9 Nghị quyết số 198/2025/QH15, Bộ Tài chính đang nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 39/2019/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và Nghị định số 45/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 39/2019/NĐ-CP, trình Lãnh đạo Bộ, Chính phủ trong năm 2025.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 198/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn./.

1. Giai đoạn 2017-2024, Quốc hội, Chính phủ đã ban hành gần 60 luật, hơn 40 Nghị quyết, pháp lệnh, khoảng 980 Nghị định. [↑](#footnote-ref-1)
2. Cả nước hiện có hơn 940 nghìn doanh nghiệp và hơn 5 triệu hộ kinh doanh đang hoạt động. [↑](#footnote-ref-2)
3. Hồng Kông có mức khấu trừ R&D cao nhất với 300% cho phần chi phí đầu tiên và 200% cho phần còn lại, không giới hạn tổng chi phí. Trung Quốc áp dụng mức khấu trừ 200% chi phí R&D thực tế, với một số ngành đặc thù được hưởng 120%. Singapore áp dụng mức khấu trừ 250% chi phí R&D đủ điều kiện trong giai đoạn 2019-2028, kèm theo lựa chọn nhận trợ cấp tiền mặt cho một phần chi phí. [↑](#footnote-ref-3)